TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 – 7 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Quốc T, sinh năm 1971. Cư trú tại: Ấp M, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Ngô Thị N, sinh năm 1972. Cư trú tại: Ấp M, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa của ông Lê Quốc T thể hiện*:

Ông và bà Ngô Thị N chung sống vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bà N thường ghen tuông, nói xấu làm mất uy tín, khi được giao sử dụng phần đất, quản lý tài chính nhưng khi sử dụng không thông qua, khi ông bị bệnh thì không quan T, đưa tiền để trị bệnh. Mâu thuẫn đã được hòa giải nhiều lần nhưng bà N không sửa đổi, hiện vẫn còn sống chung nhà nhưng vợ chồng đã ly thân cách

đây khoảng 02 năm.

Thời gian gần đây ông phát hiện bà N nói chuyện điện thoại với người đàn ông khác, sau đó bà N nhờ người khác theo dõi việc ông đi lại và gửi đơn đến Đảng ủy xã Tạ An Khương. Từ nguyên nhân trên, ông xác định không thể hàn gắn trở lại nên yêu cầu ly hôn với bà N.

Quá trình chung sống, ông và bà N có 03 người con tên Lê Cẩm Nh, sinh năm 1993, Lê Khánh L, sinh năm 1995 và Lê Khánh M, sinh năm 2000. Hiện nay đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Có phần đất được cha mẹ cho khoảng 12 công tại ấp Mương Điều A, xã Tạ An Khương; cố phần đất tại ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn với giá là 100.000.000 đồng và một số tài sản khác do bà N quản lý. Khi ly hôn, giữa ông và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ người khác và người khác nợ lại: Không có.

** Lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của bà Ngô Thị N thể hiện*:

Về thời gian chung sống vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn, đến năm 2005 địa phương vận động nên bà và ông T đã đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T công tác tại địa phương, khoảng 06 năm trở lại đây thì bà phát hiện ông T có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác. Khi cố phần đất tại xã Tam Giang, huyện Năm Căn, khi xổ vuông ông T không đem tiền về mà đưa tiền tham gia hụi với người phụ nữ khác tên Th (không xác định được họ, tên đệm và địa chỉ), sau đó xảy ra xự cãi nên đã chia tay; trong cuộc sống bà quan T mỗi khi ông T bị bệnh nhưng khi bà bị bệnh thì ông T không quan T trở lại. Thời gian gần đây, bà phát hiện ông T có quan hệ với người phụ nữ tên Ph (không biết họ và tên đệm) ở xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau. Ngày 06/5/2019 âm lịch (ngày 08/6/2019) khi có người cho biết ông T chở người phụ nữ vào nhà trọ tại ấp Tân Trung, xã Hòa Thành. Khi đến, bà yêu cầu được gặp nhưng chủ nhà trọ không chấp nhận và yêu cầu điện thoại báo cho công an. Khi công an đến mời về trụ sở làm việc thì ông T bước ra còn người phụ nữ vẫn ở bên trong. Ông T không về trụ sở làm việc mà đi xe về thì chị Ph điện thoại sau 15 phút thì ông T đi lại, nói là không quen chị Phượng nên tiếp tục đi về nhưng công an không lập biên bản. Từ nguyên nhân trên bà đồng ý ly hôn với ông T.

Về các vấn đề khác thống nhất với ý kiến của ông T; riêng phần đất cầm cố tại xã Tam Giang, huyện Năm Căn bà và ông T cho chuộc lại và đã nhận 100.000.000 đồng để xây nhà, cưới vợ cho con cách nay 03 năm nên không còn. Bà chấp nhận ly hôn khi ông T để lại toàn bộ tài sản cho các con. Tuy nhiên, do ông T không yêu cầu phân chia về tài sản nên bà cũng không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố

tụng dân sự nên không có kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Quốc T và bà Ngô Thị N.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Quốc T và bà Ngô Thị N chung sống vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa, ông T, bà N xác định khi được địa phương vận động và cán bộ xã xuống tại địa phương thì các đương sự đã làm thủ tục đăng ký kết hôn; theo ông T thì việc đăng ký được thực hiện vào năm 2002 còn theo bà N vào năm 2005; hiện nay Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã thất lạc. Khi về chung sống một thời gian thì đã xảy ra mâu thuẫn như nội dung các đương sự đã trình bày ở trên. Từ nguyên nhân trên, các đương sự xác định không thể hàn gắn chung sống trở lại nên đồng ý ly hôn với nhau.

Xét lời trình bày của các đương sự về việc có đăng ký kết hôn thấy rằng: Theo công văn số 28/UBND-VP ngày 23/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương thể hiện: Qua tra cứu tàng thư sổ bộ thì trường hợp ông Lê Quốc T, sinh năm 1971 và bà Ngô Thị N, sinh năm 1972 có hộ khẩu thường trú tại ấp Mương Điều A, xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa thì lời trình bày của các đương sự có sự mâu thuẫn; ông T ban đầu xác định không đăng ký nhưng tại phiên tòa ông cũng xác định đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 như trình bày của bà N nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ cho lời trình bày của mình. Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân của ông T và bà N chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng.

Do đó, mặc dù các đương sự đồng ý ly hôn với nhau nhưng theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng…"*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc các đương sự đồng ý ly hôn với nhau mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự này là đúng quy định của pháp luật.

[2] Đối với đơn yêu cầu của bà N gửi Đảng ủy xã Tạ An Khương không liên quan đến việc giải quyết vụ án. Do đó, trường hợp bà N vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu thì tiếp tục liên hệ để được xem xét, giải quyết.

[3] Về con chung đã trưởng thành, tài sản chung tự thỏa thuận và các vấn đề khác các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Quốc T và bà Ngô Thị N.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009489 ngày 12/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn